TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST
Ngày: 02 -10- 2020
V/v tranh chấp dân sự
về chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Hằng - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận, Tổ quốc Việt Nam phường Châu Phú A, thành phố K.

2. Bà Ngô Thị Lệ Thi - Nguyên Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường Châu Phú A, thành phố K.

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về "tranh chấp dân sự về chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa 148/2020/QĐST-DS ngày 11/9/2020 và số 160/2020/QĐST-DS ngày 29/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Thừa kế thế vị của ông Thái Đức T: Bà Thái Thị CH, sinh ngày 04/10/2005;

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thái HN, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Số 156 tổ 15, khóm C, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Ông Thái Phi PH, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 48, TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Thái Đức G, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 48, TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Bích VN, sinh năm 1978 và em Thái Văn T3, sinh năm 2001 và Thái Thị T2, sinh năm 2005; Cùng địa chỉ: Số 48, TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang. Em T2 có ông Thái Phi PH và bà Nguyễn Thị Bích VN đại diện theo pháp luật.

- Ông Bùi Văn VT, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Kim IH, sinh năm 1964; Cùng địa chỉ: Số 254 đường TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn NT, sinh năm 1959 và bà Trương Thị Bạch BH, sinh năm 1960; Cùng địa chỉ: số 450 TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Hùng HD, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Bích VN, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: Số 448/1, tổ 02, đường TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang

Em CH vắng mặt nhưng có bà HN là người đại diện theo pháp luật tham gia phiên tòa; các đương sự còn lại ông PH, bà Bích VN cùng các em T3, T2, ông G vắng mặt; riêng các ông, bà VN, HD, VT, IH, NT, BH vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà HN là người đại diện theo pháp luật cho em CH tham gia phiên tòa trình bày:

Ông Thái Văn X (sinh năm 1950 – chết năm 2019) và bà Phạm Thị K (sinh năm 1954 – chết năm 2008) chung sống có 03 người con: Thái Phi PH, sinh năm 1977, Thái Đức G, sinh năm 1980, Thái Đức T (sinh năm 1982, chết năm 2011). Ông T có vợ là Trần Thị Thái HN và có 01 con chung tên Thái Thị T2 CH, sinh năm 2005.

Ông X, bà K chết không để lại di chúc.

Về di sản của bà K và ông X để lại gồm:

- Căn nhà gắn liền với đất, kết cấu nóng đúc, sàn ván, vách tole, mái tole, khung gỗ, có một gác lửng bằng cây, tọa lạc số 52 (trước đây là số 48) đường TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông X và bà K. Sau khi bà K và ông T chết thì bà HN, em CH, ông G và ông PH làm văn bản thỏa thuận phia chia di sản và chuyển tên cho ông X đứng tên theo Giấy chứng nhận số CS12252, do Sở tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 27/6/2017.

- Quyền sử dụng diện tích 609,0 m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tổ 3, ấp Mỹ An, xã Vĩnh Châu, thành phố K cũng có nguồn gốc của bà K và ông X tạo lập, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01929 cấp ngày 06/12/2012 mang tên Thái Văn X. Trên đất có mộ của bà K và ông T và Thái Văn E và Nguyễn Thị Q (cha, mẹ ông X), bà Huỳnh Thị PS, ông Thái Văn OA (ông, bà nội của ông X).

Về nguồn gốc đất và căn nhà, có trước khi bà HN và ông T kết hôn vào năm 2003, sau khi kết hôn ông T, bà HN sống cùng bà K, ông X và vợ chồng ông PH (vợ ông PH là VN và có 02 người con tên T3 và T2), ông G không có vợ con, lúc này ông G đi tù về tội mua bán ma túy khoảng 02 năm sau mới ra tù). Toàn bộ chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà K chi xuất bằng thu nhập từ việc mua bán mỹ phẩm, còn ông X sản xuất lúa, ông T kinh doanh cho thuê xe đi du lịch, ông PH phụ giúp bà K chuyển hàng, giúp ông X làm lúa, còn G không có nghề nghiệp. Thời điểm vợ chồng ông T, bà HN và em CH sống ở đây thì hiện trạng căn nhà cho đến nay không thay đổi, chỉ có sửa chữa lại mái tol, thay vách tol, nóng đúc phần nhà sau do bị mục bằng nguồn tiền của ông G đưa vào năm 2017, hiện ông G và vợ chồng cùng các con ông PH đang sử dụng căn nhà; ông T chết năm 2011 thì bà HN và em CH về nhà cha, mẹ ruột ở nhưng vẫn tới thăm và nhan khói cho ông X.

Đại diện cho em CH, bà HN yêu cầu chia di sản của ông X, bà K gồm các tài sản trên, bằng 03 phần bằng nhau, có yêu cầu nhận căn nhà gắn liền với đất tọa lạc số 52 (trước đây là số 48) đường TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K, hoàn kỷ phần thừa kế cho ông G, ông PH.

- *Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thái Phi PH* thống nhất với ý kiến của bà HN về hàng thừa kế của ông X, bà K và di sản mà em CH yêu cầu chia thừa kế. Xác định cha, mẹ là bà K, ông X chết không có để lại di chúc, riêng quyền sử dụng đất trên đó có mồ mã của cha mẹ ông tọa lạc xã Vĩnh Châu, thành phố K, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thế chấp tại Quỹ tín dụng phường X (nay là Quỹ tín dụng K). Khi còn sống, ông T, ông và G cùng ở chung đến năm 1998 ông lập gia đình và vợ là Nguyễn Thị Bích VN cùng hai con ở chung.

Đối với yêu cầu kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý, vì ông dùng tài sản ông X, bà K để lại thờ cúng ông, bà, cha, mẹ.

- *Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Đức G* thống nhất với ý kiến của ông PH về hàng thừa kế của ông X, bà K và di sản để lại, xin nhận phần nếu tòa án phân chia.

Theo Bản gốc trích đo hiện trạng căn nhà tranh chấp tọa lạc số 48, TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh K lập ngày 23/7/2020 thể hiện:

- Các điểm 4,1,19,20,21,23 là hiện trạng ranh đất thửa số 188 với diện tích 87,1m^2 , tờ bản đồ 31 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 12252 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 27/6/2017 cho ông Thái Văn X.

- Các điểm 3,2, 9,18, 24, 25 là hiện trạng căn nhà với tổng diện tích 79,1 m^2 gắn liền với quyền sử dụng đất số CS 12252 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 27/6/2017 cho ông Thái Văn X. Trong đó:

+ Các điểm 21,22,26,23 với diện tích 0,94 m^2 là hiện trạng một phần căn nhà nằm trong thửa đất số 190 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H2684 bE của ông Nguyễn Hùng HD.

+ Các điểm 23,26,25 với diện tích 0,66 m^2 là một phần hiện trạng căn nhà nằm trong trong thửa đất số 189 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00499 của bà Trương Bạch BH (Trương Thị Bạch BH).

+ Các điểm 18,10,11,19 với diện tích 0,65 m^2 là một phần hiện trạng căn nhà nằm trong trong thửa đất số 187 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00499 của ông Bùi Văn VT.

- *Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* ông HD, bà VN; ông VT, bà IH và ông NT, bà BH xác định không tranh chấp, không tham gia trong vụ án này, xin vắng mặt các giai đoạn tố tụng và khi vụ án đưa ra xét xử, giữ nguyên ý kiến không thay đổi.

Tại phiên tòa,

- Bà HN đại diện cho em CH có mặt trình bày lời khai như đã cung cấp tại giai đoạn chuẩn bị xét xử; rút lại yêu cầu chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng diện tích 609,0 m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tổ 3, ấp Mỹ An, xã Vĩnh Châu, thành phố K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01929 ngày 06/12/2012 mang tên ông Thái Văn X. Về phương thức phân chia di sản thừa kế, bà HN yêu cầu nhận bằng giá trị, đồng ý với giá đã định của Hội đồng định giá tài sản, thống nhất để ông PH nhận tài sản và hoàn kỷ phần cho các thừa kế còn lại.

Bà HN còn xác định, ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp tư cách pháp lý của đương sư, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195,196,198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay,ông PH, ông G, bà VN, em T3, em T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Riêng các ông, bà VT, IH, NT, BH, HD, VN có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các ông, bà theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến phiên tòa: Xét ông X và bà K chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế của ông, bà gồm: Thái Phi PH, Thái Đức G, Thái Đức T; Các đương sự thống nhất phần di sản bà K, ông X gồm căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tạc lạc số 52 (trước đây là số 48) đường TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận số CS12252, do Sở tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 27/6/2017 và quyền sử dụng diện tích 609,0 m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tổ 3, ấp Mỹ An, xã Vĩnh Châu, thành phố K, theo Giấy chứng nhận số CH 01929 cấp ngày 06/12/2012; Ông T chết, bà HN đại diện theo pháp luật của em CH khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà gắn liền với đất tọa lạc số 52 (trước đây là số 48) đường TKH, khóm CL3, phường X, thành phố K theo Giấy chứng nhận số CS12252, cấp ngày 27/6/2017 là có căn cứ chấp nhận.

Xét nhà, đất hiện do vợ chồng ông PH và hai con đang sinh sống, ngoài chỗ ở trên ông không còn nơi ở nào khác. Mặt khác hiện bà HN và em CH đã có chỗ ở khác, không còn sống tại nhà, đất đang tranh chấp từ năm 2011 đến nay. Để ổn định chỗ ở, đảm bảo an sinh xã hội đối với hộ ông PH, nghĩ cần để ông PH tiếp tục sử dụng, quản lý nhà, đất là phù hợp; ông PH có trách nhiệm hoàn giá trị tương đương với kỷ phần ông được nhận từ các thừa kế khác.

Đối với quyền sử dụng diện tích 609,0 m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tổ 3, ấp Mỹ An, xã Vĩnh Châu, thành phố K, theo Giấy chứng nhận số CH 01929, cấp ngày 06/12/2012, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút lại yêu cầu này, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Việc ông PH cho rằng có sửa chữa căn nhà đang tranh chấp cũng như lo chi phí ma chay cho ông X nhưng không được các đồng thừa kế khác thừa nhận, ông cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Qua bản trích đo hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh K lập ngày 23/7/2020, thể hiện một phần căn nhà tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các ông, bà Bùi Văn VT, Huỳnh Kim IH; Nguyễn Văn VT, Trương Thị Bạch BH; Nguyễn Hùng HD, Nguyễn Thị Bích VN, tuy nhiên họ cùng xác định không tranh chấp trong vụ án này , khi có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Căn cứ các Điều 649,650,651,652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế, đình chỉ phần đương sự rút yêu cầu.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện ông PH yêu cầu chia di sản thừa kế do bà K và ông X chết để lại. Đồng thời, tài sản tranh chấp và ông PH đang cư trú thuộc địa bàn thành phố K nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà X chết năm 2008, ông X chết năm 2019. Đến ngày 06/5/2020 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện. Cho nên, yêu cầu khởi kiện vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự, bị đơn ông PH và vợ bà Bích VN cùng hai con và ông G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông HD, bà VN, ông VT, bà IH, ông NT, bà BH vắng mặt có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Riêng em CH có bà HN đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông X, bà K:

Bà K và ông X chết không để lại di chúc. Cho nên, di sản của ông, bà chết để lại được chia theo pháp luật theo điểm a khoản 1 Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Theo văn bản cam kết không bỏ sót người thừa kế do đại diện cho em CH lập, có chứng thực chữ ký của Ủy ban nhân dân phường X, văn bản cam kết về mối quan hệ hàng thừa kế do ông X lập ngày 03/03/2017, lời khai của ông PH, ông G thì có cha mẹ là ông Thái Văn X (sinh năm 1950 – chết năm 2019) và bà Phạm Thị K (sinh năm 1954 – chết năm 2008) chung sống có 03 người con: Thái Phi PH, sinh năm 1977, Thái Đức G, sinh năm 1980, Thái Đức T (sinh năm 1982, chết năm 2011). Ông T có vợ là Trần Thị Thái HN và có 01 con chung tên Thái Thị T2 CH, sinh năm 2005. Ngoài ra, ông X không chung sống với người nào khác, không có ai khác là con; cha, mẹ ông X là ông Thái Văn E, bà Nguyễn Thị Q và cha, mẹ bà K là ông Phạm Văn Chính và bà Trần Thị Thời đã chết. Vì vậy, có căn cứ xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông X, bà K bao gồm: Ông PH, ông G và em CH (thừa kế thế vị của ông T).

[2] Về di sản do ông X, bà K chết để lại:

Ông PH, ông G, và em CH cùng thống nhất, phần tài sản do bà K, ông X chết để lại bao gồm:

+ Căn nhà gắn liền với đất diện tích 87,1 m^2, đất ở đô thị, trên đất có một căn nhà nóng đúc, sàn ván, vách tole, mái tole, khung gỗ, có một vách lửng bằng cây, nhà xây dựng hết đất, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12252, do Sở tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 27/6/2017 mang tên Thái Văn X.

+ Quyền sử dụng diện tích 609,0 m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tổ 3, ấp Mỹ An, xã Vĩnh Châu, thành phố K có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01929 ngày 06/12/2012 mang tên ông X.

Về nguồn gốc tài sản tranh chấp các đương sự đều thống nhất do bà Phạm Thị K và ông Thái Văn X tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, bà K chết năm 2008, ông X và các thừa kế của bà K đã xác lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản vào ngày 09/3/2017 đối với quyền sử dụng đất 87,1 m^2, đất ở đô thị cho ông X đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12252, cấp ngày 27/6/2017, riêng căn nhà và quyền sử dụng diện tích đất 609,0 m^2 chưa đề cập trong văn bản. Nên tài sản tranh chấp được xác định do bà K, ông X chết để lại.

Tại phiên tòa bà HN đại diện cho em CH rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích 609,0 m^2 đất nông nghiệp và tại phiên hòa giải ngày 11/8/2020 ông PH cũng thống nhất với bà HN đây là tài sản chung của ông, ông G và em CH không phân chia, để sử dụng vào việc chôn cất người thân, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] Về nghĩa vụ do ông X chết để lại:

Ông PH cho rằng khi còn sống ông X có vay Quỹ tín dụng K 7.000.000 đồng, thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 609,0 m^2 tọa lạc tổ 3, ấp Mỹ An, xã Vĩnh Châu, thành phố K.

Theo Công văn số 05/CV-QTD ngày 19/5/2019, Quỹ tín dụng K cho rằng, ngày 02/11/2018 ông X có vay tiền và thế chấp cho Quỹ tín dụng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01929 ngày 06/12/2012, ngày hết hạn hợp đồng 02/11/2019. Đến ngày 30/10/2019 gia đình ông X đã trả hết số tiền vay, ông X không đến nhận lại giấy chứng nhận.

Do nguyên đơn không có yêu cầu chia phần đất này nên ông PH cho rằng có ra tiền trả khoảng nợ còn lại cho ông X tại Quỹ tín dụng nhưng ông PH không có đơn yêu cầu và không xác định là bao nhiêu, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về công sức đóng góp của người quản lý, sử dụng di sản:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Ông PH khai có ra tiền sửa chữa nhà, tòa án đã thông báo yêu cầu ông cung cấp chứng cứ chứng minh và xác định cụ thể phần sữa chữa, số tiền nhưng ông PH không thực hiện. Ngoài ra ông G có lời khai, khi nhà cửa hư mục thì ông cũng có đưa tiền sửa chữa nhà nhưng ông không có yêu cầu hoàn trả lại; bà HN khai thời điểm bà làm dâu ở đây thì hiện trạng căn nhà cho đến nay không thay đổi, chỉ có sửa chữa lại mái tol, thay vách tol, thay nóng đúc phần nhà sau do bị mục bằng nguồn tiền của ông G đưa vào năm 2017.

Qua xác minh, ban khóm CL3 cho biết căn nhà gắn liền với đất đang tranh chấp do bà K, ông X chết để lại từ trước đến nay hiện trạng nhà không thay đổi, không xin phép sửa chữa nhà.

Vì vậy lời khai của ông PH về việc sửa chữa nhà không có căn cứ xem xét trong vụ án này.

[5] Xác định giá trị di sản do bà K, ông X chết để lại:

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá, di sản của bà K, ông X chết để lại, có giá trị như sau:

Đối với căn nhà cùng quyền sử dụng đất gắn liền: Phần căn nhà trước có giá 80.943.870 đồng và phần nhà sau có giá 26.817.896 đồng; quyền sử dụng đất có giá 958.100.000 đồng. Tổng cộng: 1.065.862.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ bà HN đại diện cho em CH và ông PH thống nhất với kết quả định giá.

[6] Cách thức phân chia di sản thừa kế:

Các ông PH, ông G và em CH (thừa kế thế vị của ông T) là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà K, ông X nên được hưởng phần bằng nhau đối với di sản do bà kinh, ông X chết để lại là 355.287.000 đồng (1.065.862.000 đồng/3).

Bà HN đại diện cho em CH và ông PH đều có yêu cầu nhận tài sản, nhưng tại phiên tòa bà HN thay đổi, chấp nhận để ông nhận căn nhà gắn với quyền sử dụng đất, hoàn giá trị kỷ phần được hưởng cho em CH theo giá đã định.

Xét, nguyên đơn đồng ý để ông PH tiếp tục sử dụng căn nhà gắn liền với đất là phù hợp, nên ông PH có trách nhiệm hoàn lại cho các thừa kế khác phần thừa kế mà họ được hưởng; Tuy nhiên căn nhà được xây dựng có lấn chiếm phần đất của các ông, bà HD, VN; VT, IH; NT, BH , họ không tranh chấp nên không đề cập xem xét trong vụ án này, nếu họ có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà HN đã tạm ứng nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ký hợp đồng đo đạc theo hóa đơn 8.824.000 đồng, chi phí định giá 600.000 đồng; Vì vậy, buộc các đồng thừa kế là ông PH, ông G hoàn lại cho nguyên đơn phần chi phí này tương ứng với phần di sản mà mình được hưởng. Theo đó, ông PH, ông G mỗi người hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 3.141.000 (ba triệu một trăm bốn mươi một nghìn) đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn, ông PH, ông G mỗi người phải chịu án phí đối với phần di sản được hưởng là 17.764.000 đồng (5% x 355.287.000 đồng).

Tuy nhiên nguyên đơn em Thái Thị T2 CH thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Hoàn trả 36.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho em CH có bà HN đại diện theo pháp luật nhận theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2014/0003752 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 652, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Trần Thị Thái HN đại diện theo pháp luật cho em Thái Thị T2 CH về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng diện tích 609,0 m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tổ 3, ấp Mỹ An, xã Vĩnh Châu, thành phố K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01929 ngày 06/12/2012 mang tên ông Thái Văn X.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Trần Thị Thái HN đại diện theo pháp luật cho em Thái Thị T2 CH:

- Công nhận tài sản sau đây là di sản của bà Phạm Thị K, ông Thái Văn X chết để lại: Căn nhà diện tích nhà trước 58,38 m^2 (theo các điểm 3, 2, 9, 18, 24, 25), kết cấu bê tông cốt thép, sàn gỗ, cột gỗ, vách tol, mái tol và diện tích nhà sau 20,72 m^2 (theo các điểm 24,18, 10, 11, 20, 22), kết cấu bê tông cốt thép, sàn dal, khung và cột tiền chế, mai tol, vách tol cùng quyền sử dụng đất diện tích 87,1 m^2 (theo các điểm 4, 1, 19, 20, 21, 23) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12252, ngày 27/6/2017 mang tên Thái Văn X.

- Ông Thái Phi PH, ông Thái Đức G và em Thái Thị T2 CH được phân chia phần bằng nhau đối với khối di sản do ông X, bà K chết để lại với phần của mỗi người trị giá 355.287.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

- Ông Thái Phi PH được quyền sở hữu, sử dụng đối với di sản do ông X bà K chết để lại: Căn nhà diện tích nhà trước 58,38 m^2 (theo các điểm 3, 2, 9, 18, 24, 25), kết cấu bê tông cốt thép, sàn gỗ, cột gỗ, vách tol, mái tol và diện tích nhà sau 20,72 m^2 (theo các điểm 24,18, 10, 11, 20, 22), kết cấu bê tông cốt thép, sàn dal, khung và cột tiền chế, mai tol, vách tol cùng quyền sử dụng đất diện tích 87,1 m^2 (theo các điểm 4, 1, 19, 20, 21, 23) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12252, cấp ngày 27/6/2017 mang tên Thái Văn X.

(Kèm theo Bản gốc trích đo hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh K lập ngày 23/7/2020).

- Buộc ông Thái Phi PH hoàn lại phần di sản mà ông Thái Đức G, em Thái Thị T2 CH được phân chia với phần của mỗi người trị giá 355.287.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

- Buộc ông Thái Phi PH, ông Thái Đức G mỗi người hoàn lại cho bà Trần Thị Thái HN đại diện theo pháp luật cho em Thái Thị T2 CH phần chi phí xem xét,

thẩm định tại chỗ, chi phí định giá số tiền 3.141.000 (ba triệu một trăm bốn mươi một nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thái Phi PH, ông Thái Đức G mỗi người phải chịu án phí đối với phần di sản được hưởng là 17.764.000 (mười bảy triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Miễn án phí cho em Thái Thị T2 CH; em CH có bà Trần Thị Thái HN đại diện theo pháp luật được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2014/0003752 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố K.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà HN đại diện theo pháp luật cho em CH có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt ông G, ông PH, bà Bích VN cùng em T3, em T2 (có bà VN, ông PH đại diện), các ông, bà HD, VN; VT, IH; NT, BH là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. K (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy